

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK GLONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/DS-ST

Ngày 18-11-2019

*V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đức và ông Lê Văn Lượng.

- Thư ký phiên toà: Bà Kiều Thị Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong tham gia phiên toà:
Bà Hà Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 117/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH MTV YT; địa chỉ: Số B, Quốc lộ 20, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lương Văn M; địa chỉ: Thôn 1, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 02/10/2019). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H và bà Lưu Thị L; cùng địa chỉ: Thôn 8, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Trọng Th; địa chỉ: Thôn 8, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện hợp pháp của nguyên đơn (ông Trần Văn Y, ông Lương Văn M) trình bày:

Năm 2017, Doanh nghiệp Tư nhân YT (hiện nay là Công ty TNHH MTV YT, gọi tắt là Công ty) tổ chức hội thảo giới thiệu sản phẩm phân bón của Công ty làm từ phân heo (phân hữu cơ vi sinh) trên địa bàn xã Q. Sau buổi hội thảo người mua đăng ký mua thông qua người của Công ty và trưởng thôn là ông Lê Trọng Th, giá bán là 3.900.000 đồng/tấn, Công ty cho người dân trả chậm đến ngày 20/12/2017 (dương lịch) và thanh toán tiền cho Công ty thông qua ông Thảo, quá thời hạn phải chịu lãi 1,5%/tháng. Ông Nguyễn Văn H, bà Lưu Thị L đăng ký mua 03 tấn, đã nhận phân bón nhưng chưa thanh toán tiền. Vì vậy, Công ty yêu cầu ông bà phải thanh toán cho Công ty 11.700.000 đồng tiền gốc và 3.773.000 đồng tiền lãi với mức lãi suất là 1,5%/tháng (tính từ ngày 20/12/2017 đến ngày 30/9/2019). Tổng cộng gốc và lãi là 15.473.000 đồng. Giữa Công ty và ông Thảo có thỏa thuận miệng với nhau về việc ông Thảo có trách nhiệm giao phân bón cho người dân, thu tiền khi đến hạn để giao cho Công ty; ông Th được Công ty thanh toán 300.000 đồng/tấn đối với số tiền thu được; ông Th chưa thu được tiền của ông H, bà L nên Công ty chưa trả tiền cho ông Th. Trong đơn khởi kiện Công ty yêu cầu ông Th chịu trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền trên, tuy nhiên hiện nay Công ty chỉ yêu cầu ông H, bà L phải thanh toán, không yêu cầu đối với ông Th.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Lưu Thị L trình bày: Ông bà công nhận có mua của Công ty 03 tấn phân bón, loại phân hữu cơ xử lý từ phân heo với giá là 3.900.000 đồng/tấn; đăng ký mua thông qua người của Công ty, thời hạn thanh toán là ngày 20/12/2017, quá hạn thì phải chịu lãi 1,5%/tháng; ông bà đã nhận đủ 03 tấn nhưng chưa thanh toán tiền; sau khi sử dụng phân bón của Công ty cho cây trồng dẫn đến cây bị vàng lá, mất mùa và chết không cho thu hoạch; ông bà đã nhiều lần liên hệ Công ty để xử lý hậu quả nhưng Công ty không phối hợp, hỗ trợ; về tiền gốc ông bà đồng ý thanh toán cho Công ty nhưng xin được trả dần trong 6 năm; đối với yêu cầu về tiền lãi ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện vì từ khi mua phân bón cho đến nay không có ai đến thu tiền.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Trọng Th trình bày: Năm 2017, Công ty có tổ chức hội thảo giới thiệu phân bón vi sinh làm từ phân heo. Sau buổi hội thảo Công ty cho người dân đăng ký mua phân bón và nhờ ông lập danh sách; hình thức mua bán phân bón là mua bán trả chậm đến ngày 20/12/2017 sẽ thu tiền; Công ty có nhờ ông thu tiền hộ và hưởng hoa hồng là 300.000 đồng/tấn; trường hợp không thu được tiền thì không được hưởng; thỏa thuận nêu trên chỉ trao đổi bằng lời nói, không lập thành văn bản; sau đó Công ty có nhờ ông ký xác nhận bản đối chiếu công nợ để xác nhận đã giao đủ phân bón; giữa ông và Công ty không có thỏa thuận về việc chịu trách nhiệm

liên đới trả tiền trong trường hợp người mua không thanh toán. Vì vậy, ông không chịu trách nhiệm liên đới với khoản nợ của vợ chồng ông H, bà L.

Kiểm sát quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về giải quyết yêu cầu của đương sự: Ông H, bà L mua của Công ty 03 tấn phân bón với giá trị 11.700.000 đồng nhưng chưa thanh toán nên buộc ông bà phải thanh toán cho Công ty. Đối với yêu cầu 3.773.000 đồng tiền lãi, do Công ty không chứng minh được đã đến thu tiền nhưng ông H, bà L không thanh toán nên không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Công ty khởi kiện yêu cầu ông H, bà L phải thanh toán tiền mua bán phân bón. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh là "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*"; ông H, bà L cư trú tại Thôn 8, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Giữa Công ty và ông H, bà L có thỏa thuận về loại tài sản, số lượng (03 tấn) và giá tiền, không thỏa thuận về chất lượng phân bón. Hợp đồng giữa các bên đảm bảo về nội dung theo quy định tại Điều 398, 430, Điều 453 của Bộ luật dân sự; tại thời điểm bán phân bón, Công ty có quyền sở hữu đối với tài sản và không thuộc trường hợp bị cấm chuyển quyền, cấm lưu hành. Thỏa thuận giữa Công ty và ông H, bà L là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp pháp, đủ điều kiện có hiệu lực theo quy định của pháp luật, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự.

[3]. Theo thỏa thuận, Công ty bán cho ông H, bà L 03 tấn phân bón hữu cơ, loại phân vi sinh làm từ phân heo; giá tiền mua bán là 3.900.000 đồng/tấn, thời hạn thanh toán là ngày 20/12/2017, bên mua đã nhận phân bón nhưng chưa thanh toán tiền; các bên đều công nhận nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; ông H, bà L có nghĩa vụ trả tiền cho Công ty theo thỏa thuận và theo quy định tại khoản 1 Điều 440 của Bộ luật dân sự; giữa Công ty và ông H, bà L không có thỏa thuận về điều kiện thanh toán; quyền sở hữu tài sản đã được xác lập cho ông H, bà L từ thời điểm nhận phân bón theo quy định tại Điều 161, Điều 238 của Bộ luật dân sự; ông H, bà L đồng ý trả tiền gốc trong thời hạn 06 năm nhưng không được sự đồng ý của Công ty nên ông bà phải

thanh toán toàn bộ số tiền trên trong một lần; yêu cầu khởi kiện của Công ty đối với số tiền 11.700.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[4]. Công ty cho rằng giữa các bên có thỏa thuận về tiền lãi quá hạn là 1,5%/tháng theo nội dung đơn xin mua phân bón trả chậm kèm giấy cam kết trả nợ; địa điểm thanh toán là tại nhà người mua, Công ty có trách nhiệm thu tiền khi đến hạn. Tuy nhiên, Công ty không chứng minh được việc đã đến thu tiền nhưng **ông H, bà L** không thanh toán. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Công ty đối với 3.773.000 đồng tiền lãi là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[5]. Ông Lê Trọng Th có ký kết trong đơn xin mua phân bón trả chậm kèm giấy cam kết trả nợ nhưng giữa Công ty, **ông H, bà L và ông Th** không có nội dung thỏa thuận về việc chịu trách nhiệm liên đới thanh toán số lượng **phân bón** đã mua. Mặt khác, tại biên bản phiên họp ngày 29/10/2019 đại diện hợp pháp của nguyên đơn chỉ yêu cầu **ông H, bà L** thanh toán tiền, không yêu cầu đối với **ông Th** nên **ông Th** không có trách nhiệm liên đới thanh toán khoản tiền 11.700.000 đồng cho Công ty.

[6]. Về án phí: **Công ty** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận; ông H, bà L phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của Công ty được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 117; Điều 398; Điều 430; Điều 440; Điều 453; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của **Công ty TNHH MTV YT**, buộc **ông Nguyễn Văn H và bà Lưu Thị L** phải thanh toán cho Công ty 11.700.000 (*mười một triệu bảy trăm nghìn*) đồng tiền gốc.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty đối với 3.773.000 (*ba triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn*) đồng tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. *Về án phí:* Ông Nguyễn Văn H, bà Lưu Thị L phải chịu 585.000 (*năm trăm tám mươi lăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Công ty TNHH MTV YT phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm

ứng án phí đã nộp là 387.000 (ba trăm tám mươi bảy nghìn) đồng; hoàn trả cho Công ty 87.000 đồng còn lại theo biên lai số 0002760 ngày 02 tháng 10 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THA.DS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Vũ Văn Tuấn